

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2020/DS - PT

Ngày: 08-6-2020

V/v tranh chấp hợp đồng
góp hui, **vay tài sản**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Bà Đinh Thị Ngọc Yến

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui, **vay tài sản**”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Đan N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Số 52, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Lý B, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số 142, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Hợp đồng ủy quyền ngày 25-3-2020).

2. Ông Hà Thanh P, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Số 142, ấp S, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. Bà Đào Thị Kim T2, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số 108, ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Lý B – Bị đơn.

(Bà N, bà B và ông T có mặt; ông P, bà C, bà T1 và bà T2 vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2018, nguyên đơn bà Nguyễn Đan N trình bày:

Bà có làm chủ hội mùa, tháng, tuần. Trong đó bà Lê Thị Lý B là hội viên. Tất cả các dây hội bà B đều hót và bà đã giao đầy đủ, nhưng sau đó bà B không góp hội chết, tổng số tiền bà B còn nợ là 150.000.000 đồng. Các dây hội cụ thể như sau:

1. Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày ngày 15 tháng 01 năm 2017al đến ngày 15/12/2019al là mãn hội; gồm có 2 dây, mỗi dây 1.000.000 đồng/tháng, có 24 phần, bà B tham gia mỗi dây 1 phần. Bà B đóng hội sống cả 2 dây là 09 kỳ, đến kỳ thứ 10 (15/10/2017al) lãnh hội cả 2 dây; bà B đóng hội chết 2 dây từ kỳ thứ 11 đến kỳ thứ 17 (15/5/2018al). Bà B không đóng hội chết từ 15/6/2018 đến 15/9/2018al là 4 kỳ/dây, thành tiền 8.000.000 đồng (4 kỳ x 2 dây x 1.000.000đ).

2. Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05 tháng 04 năm 2017al đến ngày 05 tháng 4 năm 2019al thì mãn, 25 người tham gia, bà B tham gia 02 phần, hót 01 phần vào lần thứ 04 vào 7/2017 và hót 01 phần vào lần thứ 08 vào 11/2017.

+ Phần lãnh hội kỳ thứ 4 vào 7/2017 đóng hội chết đến tháng 5/2018.

+ Phần lãnh hội kỳ 08 vào 11/2017, đóng hội chết 6 kỳ vào tháng 12/2017, 01,2,3,4,5/2018, thiếu 5 kỳ từ tháng 6,7,8,9,10/2018

Tổng cộng 10.000.000 đồng (1.000.000đ x 2 phần x 5 kỳ).

3. Dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25 tháng 05 năm 2017al mãn 25/5/2019al, 25 người tham gia, bà B tham gia 02 phần, hót kỳ thứ 6 vào 25/10/2017 và kỳ 9 vào 25/01/2018.

+ hót kỳ thứ 6 vào 25/10/2017, đóng hội chết từ tháng 11 đến tháng 4/2018, thiếu hội chết từ tháng 5/2018 đến 9/2018 là 5 kỳ.

+ hót kỳ 9 vào 25/01/2018, đóng hội chết từ tháng 02/2018 đến tháng 4/2018, thiếu hội chết từ tháng 5/2018 đến 9/2018 là 5 kỳ.

Tổng cộng thiếu hội chết 10.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 5 kỳ x 2 phần).

4. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15 tháng 06 năm 2017a1 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018a1 thì mãn, 16 người tham gia, bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ thứ 08 vào 15/ 01/2018. Sau đó bà B góp hụi chết từ tháng 2 đến tháng 5/2018, thiếu hụi chết tháng 6 đến tháng 9/2018 là 4 kỳ x 2.000.000 đồng là 8.000.000 đồng.

5. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 15 tháng 9 năm 2017 a1 đến ngày 15 tháng 6 năm 2019a1 thì mãn, mỗi dây 22 người tham gia, 22 phần, bà B tham gia 01 phần/01 dây.

Bà B hốt 02 dây đều vào kỳ thứ 5 vào 15/01/2018, đóng hụi chết từ tháng 02 đến tháng 5/2018, không đóng từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ. Tổng cộng thiếu tiền hụi 10.000.000 đồng (5 kỳ x 2 dây x 1.000.000 đồng).

6. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 30 tháng 10 năm 2017a1 đến ngày 30 tháng 7 năm 2019a1 thì mãn, mỗi dây 22 người tham gia, 22 phần/dây. Bà B tham gia 01 phần/01 dây, hốt 02 phần vào kỳ thứ 07 vào tháng 4/2018, không đóng hụi chết từ tháng 5 đến tháng 9/2018 là 5 kỳ.

Tổng cộng 10.000.000 đồng (5 kỳ x 2 dây x 1.000.000 đồng).

7. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 10 tháng 01 năm 2018a1 đến ngày 10 tháng 10 năm 2019 thì mãn, mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây 22 người tham gia, 22 phần, bà B tham gia 01 phần/01 dây.

Bà B hốt cả 2 dây đều vào kỳ thứ 02 vào tháng 02/2018. Sau đó bà B góp được 3 kỳ/dây vào tháng 3,4,5/2018, không đóng từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ/dây.

Tổng cộng 10.000.000 đồng (5 kỳ x 2 dây x 1.000.000 đồng).

8. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 25 tháng 3 năm 2017 a1 đến ngày 25 tháng 6 năm 2020 thì mãn, mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây 16 người tham gia, 16 phần, bà B tham gia 01 phần/dây, hốt 2 dây đều vào kỳ thứ 06 vào ngày 25/8/2017. Sau đó bà B góp từ tháng 25/9/2017 đến 25/4/2018 là 8 kỳ, không đóng từ 25/5/2018 đến 25/6/2018 là 2 kỳ: (2 kỳ x 2.000.000 đồng x 2 dây) là 8.000.000 đồng.

9. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 01 dây, khai ngày 10 tháng 6 năm 2017 a1 đến ngày 10 tháng 07 năm 2019 thì mãn, 25 người tham gia, 25 phần, bà B tham gia 02 phần/01 dây, hốt vào kỳ thứ 04 vào 10/9/2017, đóng hụi chết từ tháng 10/217 đến tháng 5/2018 là 8 kỳ, không đóng từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ; hốt phần thứ 2 vào kỳ thứ 8 vào 10/01/2018, đóng hụi chết từ tháng 02/218 đến tháng 5/2018 là 4 kỳ, không đóng từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ;

Tổng cộng 20.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 2 phần x 5 kỳ).

10. Dây hụi 5.000.000 đồng/02 tháng, khai ngày 25 tháng 02 năm 2017a1 đến ngày 25 tháng 11 năm 2018 thì mãn, hai tháng khai 01 lần, 12 người tham gia, 12 phần, bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ thứ 06 vào 25/11/2017. Sau đó bà B góp hụi chết 2 kỳ (tháng 11,12 là 1 kỳ; tháng 2 và tháng 3 là 1 kỳ, không

đóng 3 kỳ từ tháng 5, 7, 9/2018: (5.000.000 đồng x 3 kỳ) là 15.000.000 đồng, (hụi mùa).

11. Dây hụi 5.000.000 đồng/03 tháng, khai ngày 10 tháng 7 năm 2017a đến ngày 10 tháng 4 năm 2020 thì mãn, ba tháng khai 01 lần, 12 người tham gia, 12 phần, bà B tham gia 01 phần, hốt vào kỳ thứ 04 vào 10/4/2018. Sau đó bà B không góp hụi chết, thiếu 2 kỳ chưa đóng vào tháng 7 và tháng 10/2018: (02 kỳ x 5.000.000 đồng) là 10.000.000 đồng, (hụi mùa).

12. Dây hụi mệnh giá 200.000 đồng/01 tuần, khai ngày 21 tháng 8 năm 2017a đến ngày 09 tháng 8 năm 2018 thì mãn, khai vào thứ 03 hàng tuần, 50 phần, bà B tham gia 05 phần, hốt vào kỳ thứ 20, 21, 22 (vào 01/2018), kỳ 32, 35 (cùng vào 4/2018) đóng hụi chết đến 13/5/2018. Không đóng hụi chết 12 kỳ của 5 phần là giữa tháng 5, 6, 7, đầu tháng 8/2018 với số tiền (12 kỳ x 1.000.000đ) (mỗi tuần 1 triệu) là 12.000.000 đồng.

13. Dây hụi mệnh giá 200.000 đồng/01 tuần, khai ngày 03 tháng 10 năm 2017a đến ngày 28 tháng 9 năm 2018 thì mãn, khai vào thứ 2 hàng tuần, 50 phần, bà B tham gia 05 phần, hốt vào kỳ thứ 12 (20/12/2017), kỳ 16 (25/01/2018), kỳ 18 (10/02/2018), kỳ 24 (15/03/2018), kỳ 26 (29/3/2018). Sau đó bà B góp đến ngày 12/5/2018. Không đóng hụi chết 19 kỳ là từ 19/5/2018 đến 28/9/2018: (19 kỳ x 1.000.000 đồng) là 19.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà yêu cầu bà B và ông P liên đới trả là 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Đối với những dây hụi lớn 5.000.000 đồng khi giao tiền hụi có ký giấy nhận nhưng những dây hụi còn lại do tin tưởng nên khi giao hụi không có ký giấy nhận tiền, tất cả các hụi viên khác đều như vậy.

Đối 15 dây hụi do bà Lý B phản tố, bà B cho rằng bà không giao hụi là không đúng, bà vẫn giao hụi bình thường cho bà B. Những người làm chứng trong vụ án trước đây gồm có bà Đào Thị Kim T2, Nguyễn Thị C, bà Phạm Thị T1 và những lời trình bày của một vài hụi viên tham gia cùng dây hụi bà B làm chứng cho vấn đề này.

Đối số tiền mà bà Lý B cho rằng bà mượn ngày 23 tháng 6 năm 2016, số tiền 20.000.000 đồng, bà xác định có vay nhưng đã trả rồi nên bà B đã gạch chữ R tại biên nhận này.

Bị đơn bà Lê Thị Lý B trình bày:

Đối với yêu cầu của bà N yêu cầu bà và ông P liên đới trả số tiền của 13 dây hụi tổng số tiền là 150.000.000 đồng, không phải dây hụi của bà, bà chỉ có tham gia 01 dây hụi mùa đã hốt, nợ số tiền 70.000.000 đồng.

Ngoài ra bà có tham gia 15 dây hụi do bà N làm chủ Thảo:

1. Dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 15 tháng 11 năm 2016, có 18 phần đã mãn nhưng bà N không giao cho bà số tiền 14.400.000 đồng.

2. Dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 05 tháng 11 năm 2016, có 18 phần đã mãn nhưng bà N không giao số tiền 16.000.000 đồng.

3. Dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 20 tháng 11 năm 2016, có 18 phần đã mẫn nhưng bà N không giao số tiền 16.000.000 đồng.

4. Dây hụi 1.000.000 đồng, khai ngày 05 tháng 11 năm 2016, có 18 phần đã mẫn nhưng bà N không giao số tiền 16.000.000 đồng.

5. Dây hụi 5.000.000 đồng, 03 tháng khai 1 lần, khai ngày 10 tháng 7 năm 2017, có 12 phần, bà đã góp được 04 lần số tiền là 14.000.000 đồng.

6. Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 15 tháng 9 năm 2017, có 22 đã góp được 09 lần số tiền là 7.200.000 đồng.

7. Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 15 tháng 9 năm 2017, có 22 phần, bà đã góp được 09 lần số tiền là 7.200.000 đồng.

8. Dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 05 tháng 10 năm 2017, có 22 phần, đã góp được 8 lần số tiền là 11.200.000 đồng.

9. Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 05 tháng 4 năm 2017, có 24 phần, đã góp được 13 lần số tiền là 11.200.000 đồng.

10. Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 30 tháng 10 năm 2017, có 22 phần, đã góp được 08 lần số tiền là 6.400.000 đồng.

11. Dây hụi 1.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 30 tháng 10 năm 2017, có 22 phần, đã góp được 08 lần số tiền là 6.400.000 đồng.

12. Dây hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khai 1 lần, khai ngày 25 tháng 3 năm 2017, có 16 phần đã góp được 12 lần số tiền là 12.400.000 đồng.

13. Dây hụi 500.000 đồng, một tuần khai 1 lần, khai ngày 08 tháng 8 năm 2017, có 40 phần, bà đã góp được 09 lần số tiền là 7.200.000 đồng.

14. Dây hụi 200.000 đồng, một tuần khai 1 lần, khai ngày 25 tháng 7 năm 2017, có 40 phần đã góp được số tiền là 6.400.000 đồng.

15. Dây hụi 200.000 đồng, một tuần khai 1 lần, khai ngày 03 tháng 10 năm 2017, có 39 phần, bà đã góp được 28 lần số tiền là 4.480.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 23 tháng 6 năm 2016, bà N có mượn bà số tiền 20.000.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu bà N trả số tiền 180.000.000 đồng và cần trừ 70.000.000 đồng.

Bà xác định có tham gia 15 dây hụi do bà N làm chủ nhưng đã mẫn 02 dây, hoàn tất nghĩa vụ góp hụi, 13 dây còn lại có 02 dây hụi mùa đã hốt và góp hụi chết là 34.550.000 đồng, còn nợ lại 25.000.000 đồng/02 dây như giấy nợ bà N ghi. Còn lại 11 dây hụi tháng, tuần chưa hốt đã góp bà N và hốt nhưng bà N chưa giao số tiền 160.480.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền vay, yêu cầu tính tiền lãi của số tiền vay là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền yêu cầu là 184.480.000 đồng trừ nợ bà N 25.000.000 đồng, bà N phải trả lại bà số tiền 159.480.000 đồng. Việc hốt hụi bà N giao có ghi giấy nhận hụi và nợ tiền góp, còn các dây hụi còn lại bà N chưa giao nên không có giấy nhận nợ tiền hụi.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị C có lời trình bày tại phiên tòa như sau:
Bà có tham gia 04 dây hụi do bà N làm chủ, lấy tên Cô Tư D tham gia 03 dây và 02 dây tên L là con gái của bà. Trong những dây hụi này thì bà B có tham gia và đã hốt.

Người làm chứng bà Phạm Thị T1 có lời trình bày tại phiên tòa như sau:
Bà có tham gia 04 dây hụi do bà N làm chủ, trong những dây hụi này thì bà B có tham gia và đã hốt.

Ngoài ra bà N cung cấp lời trình bày của những người cùng tham gia các dây hụi nhưng không yêu cầu triệu tập đến tòa như ông Đào Thanh L tham gia hụi lấy tên hụi là T tham gia 02 dây hụi, hụi 5.000.000 đồng khai ngày 25 tháng 02 năm 2017, bà B tham gia 01 phần và dây hụi 1.000.000 đồng khai ngày 25 tháng 5 năm 2017 bà B tham gia 02 phần và đều hốt hết cả 03 phần hụi này; Bà Nguyễn Thị T có tham gia hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 10 tháng 6 năm 2017, bà B tham gia 02 phần, bà B đã hốt 02 phần này. Ông Nguyễn Thanh T tham gia hụi do bà N làm chủ lấy tên là “Đ”, hụi 2.000.000 đồng khai vào ngày 15 tháng 6 năm 2017 al, ông có tham gia 01 phần, bà B tham gia 01 phần và đã hốt, hụi mệnh giá 1.000.000 đồng khai vào ngày 15 tháng 01 năm 2017 bà B có tham gia 02 dây là 02 phần, ông tham gia 01 phần và 02 phần này bà B đã hốt. Bà Đào Kim T2 có tham gia hụi 1.000.000 đồng, tham gia 02 phần, bà B tham gia 02 phần và đã hốt; dây hụi 1.000.000 đồng khai vào ngày 15 tháng 9 năm 2017 al, bà tham gia 02 dây 02 phần, bà B tham gia 02 dây 02 phần và đã hốt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đan N.

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P liên đới trả cho bà Nguyễn Đan N số tiền 151.500.000 đồng (một trăm năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bác yêu cầu của bà Lê Thị Lý B yêu cầu bà Nguyễn Đan N trả số tiền góp hụi là 160.480.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng) và 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tiền vay và 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12-12-2019, bị đơn bà Lê Thị Lý B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại số tiền hụi sống của bà là 121.000.000 đồng trừ số tiền bà N buộc trả 150.000.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu bà N 29.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật quy định và hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Phần trích yếu của bản án ghi thiếu quan hệ vay tài sản. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B thừa nhận còn thiếu bà N tiền hội chết tổng cộng là 150.000.000 đồng đã thể hiện bà B có tham gia các dây hội đúng như bà N trình bày và không góp hội chết. Bà B yêu cầu khấu trừ 121.000.000 đồng đã góp hội sống vào số tiền hội chết còn thiếu nhưng cũng không có chứng cứ chứng minh. Bản án tuyên về án phí mà bà B và ông P phải chịu là chưa đúng. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bà B, sửa phần án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án, xét thấy:

[1] Bị đơn ông Hà Thanh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Nguyên đơn bà N yêu cầu bà B và ông P liên đới trả số tiền góp hội là 150.000.000 đồng; bị đơn bà B yêu cầu bà N trả số tiền lãnh hội chưa giao là 160.480.000 đồng và nợ tiền vay là 20.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng nhưng ở phần trích yếu của bản án chỉ ghi “Tranh chấp hội” là thiếu sót nên cần bổ sung thêm “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” cho đầy đủ.

[3] Bị đơn bà Lê Thị Lý B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại số tiền hội sống của bà đã góp là 121.000.000 đồng trừ số tiền bà N buộc trả 150.000.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu bà N 29.000.000 đồng. Do bà B chỉ kháng cáo đối với yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu bà trả tiền hội chết còn thiếu là 150.000.000 đồng nên Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại yêu cầu khởi kiện của bà N. Đối với yêu cầu phản tố của bà B, không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[4] Căn cứ vào các “Giấy giao kèo chơi hội”, sổ hội và lời khai của những người làm chứng có căn cứ xác định bà N là chủ hội, bà B là hội viên. Các dây hội là hội hoa hồng và có lãi (tất cả ghi ngày âm lịch), cụ thể như sau:

1. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày ngày 15 tháng 01 năm 2017 đến ngày 15/12/2019 là mãn hụi; gồm có 2 dây, mỗi dây 1.000.000 đồng/tháng, có 24 phần, bà B tham gia mỗi dây 1 phần. Đến kỳ thứ 10 và kỳ 13 bà B lãnh hụi cả 2 dây. Bà B không đóng hụi chết từ 15/6/2018 đến 15/9/2018 là 4 kỳ/dây, thành tiền 8.000.000 đồng (4 kỳ x 2 dây x 1.000.000đ).

2. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05 tháng 04 năm 2017 đến ngày 05 tháng 4 năm 2019 thì mãn, 25 người tham gia, bà B tham gia 02 phần, lãnh 01 phần vào lần thứ 04 vào 7/2017 và lãnh 01 phần vào lần thứ 08 vào 11/2017. Bà B không đóng hụi chết từ tháng 6,7,8,9,10/2018 là 5 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng (1.000.000đ x 2 phần x 5 kỳ).

3. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 25 tháng 05 năm 2017 mãn 25/5/2019, 25 người tham gia, bà B tham gia 02 phần, lãnh hụi kỳ thứ 6 vào 25/10/2017 và kỳ 9 vào 25/01/2018. Bà B không đóng hụi chết từ tháng 5/2018 đến 9/2018 là 5 kỳ với số tiền 10.000.000 đồng (1.000.000 đồng x 5 kỳ x 2 phần).

4. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15 tháng 06 năm 2017 đến ngày 15 tháng 10 năm 2018 thì mãn, 16 người tham gia, bà B tham gia 01 phần, lãnh hụi vào kỳ thứ 08 vào ngày 15/01/2018. Bà B không đóng hụi chết từ tháng 6 đến tháng 9/2018, thành tiền 8.000.000 đồng (4 kỳ x 2.000.000đ).

5. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 15 tháng 9 năm 2017 đến ngày 15 tháng 6 năm 2019 thì mãn, mỗi dây 22 người tham gia, 22 phần, bà B tham gia 01 phần/01 dây. Bà B lãnh hụi 02 dây đều vào kỳ thứ 5 vào 15/01/2018. Bà B không đóng hụi chết từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ, thành tiền 10.000.000 đồng (5 kỳ x 2 dây x 1.000.000đ).

6. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 30 tháng 10 năm 2017 đến ngày 30 tháng 7 năm 2019 thì mãn, mỗi dây 22 người tham gia, 22 phần/dây. Bà B tham gia 01 phần/01 dây, lãnh hụi 02 phần vào kỳ thứ 07 vào tháng 4/2018, không đóng hụi chết từ tháng 5 đến tháng 9/2018 là 5 kỳ, thành tiền 10.000.000 đồng (5 kỳ x 2 dây x 1.000.000 đ).

7. Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 10 tháng 01 năm 2018 đến ngày 10 tháng 10 năm 2019 thì mãn, mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây 22 người tham gia, 22 phần, bà B tham gia 01 phần/01 dây. Bà B lãnh hụi cả 2 dây đều vào kỳ thứ 02 vào tháng 02/2018. Bà B không đóng hụi chết từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ/dây, thành tiền 10.000.000 đồng (5 kỳ x 2 dây x 1.000.000đ).

8. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 02 dây, khai ngày 25 tháng 3 năm 2017 đến ngày 25 tháng 6 năm 2020 thì mãn, mỗi tháng khai 01 lần, mỗi dây 16 người tham gia, 16 phần, bà B tham gia 01 phần/dây, lãnh hụi 2 dây đều vào kỳ thứ 06 vào ngày 25/8/2017. Bà B không đóng hụi chết từ 25/5/2018 đến 25/6/2018 là 2 kỳ, thành tiền 8.000.000 đồng (2 kỳ x 2.000.000 đồng x 2 dây).

9. Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 01 dây, khai ngày 10 tháng 6 năm 2017 đến ngày 10 tháng 07 năm 2019 thì mãn, 25 người tham gia, 25 phần, bà B tham gia 02 phần/01 dây, lãnh hụi vào kỳ thứ 04 vào 10/9/2017. Bà B không

đóng hội chết từ tháng 6 đến tháng 10/2018 là 5 kỳ, thành tiền 20.000.000 đồng (2.000.000 đồng x 2 phần x 5 kỳ).

10. Dây hội 5.000.000 đồng/02 tháng, khai ngày 25 tháng 02 năm 2017 đến ngày 25 tháng 11 năm 2018 thì mãn, hai tháng khai 01 lần, 12 người tham gia, 12 phần, bà B tham gia 01 phần, lãnh hội vào kỳ thứ 06 vào 25/11/2017. Bà B không đóng hội chết 3 kỳ từ tháng 5, 7, 9/2018 là 15.000.000 đồng (5.000.000 đồng x 3 kỳ) (hội mùa).

11. Dây hội 5.000.000 đồng/03 tháng, khai ngày 10 tháng 7 năm 2017 đến ngày 10 tháng 4 năm 2020 thì mãn, ba tháng khai 01 lần, 12 người tham gia, 12 phần, bà B tham gia 01 phần, lãnh hội vào kỳ thứ 04 vào 10/4/2018. Sau đó bà B không góp hội chết, thiếu 2 kỳ chưa đóng vào tháng 7 và tháng 10/2018 là 10.000.000 đồng (02 kỳ x 5.000.000 đ) (hội mùa).

12. Dây hội mệnh giá 200.000 đồng/01 tuần, khai ngày 21 tháng 8 năm 2017 đến ngày 09 tháng 8 năm 2018 thì mãn, khai vào thứ 03 hàng tuần, 50 phần, bà B tham gia 05 phần, lãnh hội vào kỳ thứ 20, 21, 22 (vào 01/2018), kỳ 32, 35 (cùng vào 4/2018). Bà B không đóng hội chết 12 kỳ của 5 phần là giữa tháng 5, 6, 7, đầu tháng 8/2018 với số tiền 12.000.000 đồng (12 kỳ x 1.000.000đ), (mỗi tuần 1 triệu).

13. Dây hội mệnh giá 200.000 đồng/01 tuần, khai ngày 03 tháng 10 năm 2017 đến ngày 28 tháng 9 năm 2018 thì mãn, khai vào thứ 2 hàng tuần, 50 phần, bà B tham gia 05 phần, lãnh hội vào kỳ thứ 12 (20/12/2017), kỳ 16 (25/01/2018), kỳ 18 (10/02/2018), kỳ 24 (15/03/2018), kỳ 26 (29/3/2018). Bà B không đóng hội chết 19 kỳ là từ 19/5/2018 đến 28/9/2018, thành tiền 19.000.000 đồng (19 kỳ x 1.000.000đ).

[5] Những người làm chứng cũng là hội viên trong các dây hội này như bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Thanh T (Đ), bà Nguyễn Thị Hồng G, bà Phạm Thị T, bà Võ Thị Thanh T, ông Đào Thanh L, bà Đào Kim T1, bà Nguyễn Thị T đều trình bày, các dây hội nêu trên bà B lãnh hội có các hội viên chứng kiến và bà B còn thiếu hội chết như bà N trình bày, đối với các dây hội, trừ hai dây hội mùa thì không ký nhận khi giao tiền giữa chủ hội và các hội viên vì tin tưởng nhau. Các dây hội bà N làm chủ có dây đã mãn và có dây vẫn còn tồn tại không bể hội như bà B trình bày. Trong các dây hội này có 02 dây hội mùa số 10 và 11 bà B cũng thừa nhận còn thiếu bà N số tiền hội chết tổng cộng là 25.000.000 đồng (chỉ tính đến ngày bà N khởi kiện), phù hợp với giấy “Hội khai 10-7-2017” thể hiện đến khi mãn hội thì bà B còn thiếu 7 kỳ hội chết, do dây hội này có biên nhận nên bà B mới thừa nhận. Còn các dây hội còn lại bà B cho rằng bà N chưa giao hội là không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B thừa nhận còn thiếu bà N tiền hội chết tổng cộng là 150.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bà N yêu cầu bà B và ông P liên đới trả là 150.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi là có căn cứ chấp nhận.

[6] Bà B có đơn phản tố cho rằng các dây hội bà được lãnh nhưng bà N chưa giao và các dây hội bà B đã góp nhưng ngưng hội với tổng số tiền 160.480.000 đồng yêu cầu bà N trả lại nhưng không có chứng cứ gì chứng minh

nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận và bà B không có kháng cáo nên không xem xét.

[7] Bà Lê Thị Lý B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại số tiền hội sống của bà đã góp là 121.000.000 đồng trừ số tiền bà N buộc trả 150.000.000 đồng nên bà chỉ còn thiếu bà N 29.000.000 đồng.

[8] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, bà B trình bày không thống nhất, khi thì thừa nhận nợ tiền hội bà N là 70.000.00 đồng, khi thì 30.000.00 đồng, khi thì 25.000.000 đồng. Tại cấp sơ thẩm bà B cho rằng các dây hội bà được lãnh nhưng bà N chưa giao và các dây hội bà B đã góp nhưng ngưng hội với tổng số tiền 160.480.000 đồng nay kháng cáo thì cho rằng bà đã đóng hội sống 121.000.000 đồng yêu cầu khấu trừ số tiền hội chết chưa đóng 150.000.000 đồng nên chỉ còn thiếu bà N 29.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà B do ông T đại diện lại trình bày khác những lần trước, cho rằng dây hội 1.000.000 đồng/tháng ngày 15/9/2017, góp hội chưa lãnh 09 kỳ với số tiền 7.200.000 đồng; dây hội 1.000.000 đồng/tháng ngày 30/10/2017, góp hội chưa lãnh 07 kỳ với số tiền 5.400.000 đồng; dây hội 5.000.000 đồng /3 tháng, góp 4 kỳ là 14.000.000 đồng, tổng cộng 3 dây hội này bà B góp 26.600.000 đồng và 08 dây hội còn lại bà B đã góp hội sống 121.100.000 đồng, tổng cộng bà B góp hội là 147.700.000 đồng khấu trừ số tiền hội chết bà B còn thiếu là 150.000.000 đồng nên bà B chỉ còn thiếu bà N 2.300.000 đồng. Nhưng không được bà N thừa nhận và bà B cũng không có giấy tờ gì hay hội viên nào làm chứng nên không có cơ sở chấp nhận.

[9] Thấy rằng, như đã nhận định ở trên, bà B đã lãnh hội đối với tất cả các dây hội nêu trên, nhưng sau khi lãnh hội, bà B không thực hiện việc đóng hội chết đầy đủ theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ góp hội của hội viên. Nay bà lại yêu cầu lấy số tiền đóng hội sống trừ số tiền hội chết chưa đóng là không có căn cứ chấp nhận.

[10] Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N là có căn cứ, đúng theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường.

Tuy nhiên, tại cấp sơ thẩm bà N yêu cầu bà B và ông P liên đới trả là 151.500.000 đồng là chưa chính xác do tính toán sai. Bà N cũng khẳng định 150.000.000 đồng mới đúng nên chấp nhận một phần kháng cáo của bà B, cần sửa một phần bản án sơ thẩm chỉ buộc B và ông P liên đới trả cho bà N 150.000.000 đồng.

[11] Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà B là có căn cứ.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bà B và ông P có nghĩa vụ liên đới chịu án phí tính trên số tiền trả cho bà N là 7.500.000 đồng. Bà B phải chịu 9.224.000 đồng án phí đối với yêu cầu yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà B và ông P chịu án phí tổng cộng 16.799.000 đồng là không đúng nên cần phải sửa án về phần án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm tuyên hoàn trả cho bà Nguyễn Đan N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.179.000 đồng theo biên lai số 0007020 “ngày 13 tháng 12 năm 2019” là không chính xác, đúng là “ngày 13 tháng 12 năm 2018” nên cần sửa lại cho đúng.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên bà B kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Lý B;

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 76/2019/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Đan N

1. Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Đan N số tiền góp hụi còn thiếu là 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị Lý B yêu cầu bà Nguyễn Đan N trả số tiền góp hụi là 160.480.000 đồng (*Một trăm sáu mươi triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng*), 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*) tiền vay và 4.000.000 đồng (*Bốn triệu đồng*) tiền lãi.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bà Lê Thị Lý B và ông Hà Thanh P có nghĩa vụ liên đới chịu 7.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Lê Thị Lý B phải chịu 9.224.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Lý B đã nộp là 4.612.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai số 0007200 ngày 25 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An để thi hành án phí. Bà Lê Thị Lý B còn phải chịu 4.612.000 đồng.

Bà Nguyễn Đan N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Nguyễn Đan N tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.179.000 đồng (Bốn triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng) theo biên lai số 0007020 ngày 13 tháng 12 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Lê Thị Lý B không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả bà B số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai số 0007359 ngày 16-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

5. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX. Kiến Tường;
- Chi cục THADS TX. Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thu

